

ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN QUA MPOS/SOFTPOS, QR VẠN NĂNG

(Ban hành theo Quy trình số: **03/2026/QT-TPB.RB** ngày 22/01/2026 của Tổng Giám đốc)

PHẦN I - ĐIỀU KHOẢN/QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ sử dụng trong Điều kiện, điều khoản này được hiểu như sau:

- 1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán (Sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng”):** Là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng và Khách hàng về việc sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị TPBank mPOS, TPBank SoftPOS và qua mã QR Vạn Năng.
- 2. Điều kiện Điều khoản (ĐKĐK):** Là Điều kiện Điều khoản dịch vụ chấp nhận thanh toán qua mPOS/ SoftPOS, QR Vạn Năng. ĐKĐK là một phần không tách rời với Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán. Các sửa đổi, bổ sung của ĐKĐK sẽ có giá trị ràng buộc nếu ĐVCNTT/ĐVCNT tiếp tục sử dụng dịch vụ sau thời điểm sửa đổi, bổ sung có hiệu lực.
- 3. Dịch vụ Chấp nhận thanh toán (Dịch vụ):** Là dịch vụ mà TPBank cung cấp cho ĐVCNTT, bao gồm:
 - a. Dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị mPOS/SoftPOS: Là dịch vụ mà TPBank cung cấp cho ĐVCNT theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán. Theo đó, ĐVCNT chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ thông qua thiết bị chấp nhận thanh toán TPBank mPOS/SoftPOS do TPBank cung cấp được cài đặt và sử dụng cho ĐVCNT.
 - b. Dịch vụ thanh toán qua Mã QR Vạn năng: Là dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ và nhận tiền thu hộ về tài khoản thanh toán (TKTT) của KH đối với tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua việc Người mua hàng/Chủ thẻ quét mã QR Vạn năng được KH cung cấp:
 - Dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ qua mã QR Vạn Năng cho phép KH nhận tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ từ thẻ của người mua hàng/chủ thẻ vào TKTT của KH tại TPBank.
 - Dịch vụ thu hộ qua mã QR Vạn Năng cho phép KH nhận các khoản tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ từ TKTT của người mua hàng vào TKTT của KH tại TPBank theo dịch vụ thu hộ được TPBank cung cấp (bao gồm thu hộ trong lãnh thổ Việt Nam, thu hộ qua dịch vụ thanh toán quốc tế hợp tác giữa Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, ... thông qua Napas).
- 4. Ngân hàng/NH/TPBank:** Là ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank), bao gồm tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch của TPBank trên cả nước, thực hiện cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 5. Khách hàng (KH)/Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT)/Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT):**
 - a. Các cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật thực hiện:
 - Bán hàng trên các sàn thương mại điện tử hoạt động hợp pháp tại Việt nam, theo đó Người mua hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân này thực hiện thanh toán thẻ hoặc nhận tiền TPBank thu hộ từ Khách hàng mua hàng hóa dịch vụ về tài khoản thanh toán mở tại TPBank tại địa điểm kinh doanh qua thiết bị TPBank SoftPOS hoặc qua mã QR Vạn Năng. Trường hợp không có địa điểm kinh doanh thì xác định là nơi đăng ký thường trú của các cá nhân này;
 - Bán hàng tại địa điểm kinh doanh cố định, theo đó Người mua hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân này thực hiện thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ về tài khoản thanh toán mở tại TPBank qua thiết bị TPBank SoftPOS hoặc qua mã QR Vạn Năng tại địa điểm kinh doanh đó.
 - b. Các doanh nghiệp, Hộ kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, có nhu cầu chấp nhận Thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ hoặc nhân

- c. tiền TPBank thu hộ từ Khách hàng mua hàng hóa dịch vụ về tài khoản thanh toán mở tại TPBank qua thiết bị TPBank mPOS/SoftPOS và/hoặc qua mã QR VẠN NĂNG.
- 6. Mã QR VẠN NĂNG:** Là mã vạch ma trận có chứa các thông tin đã được mã hóa được khởi tạo trên Ứng dụng thanh toán/Ứng dụng được kết nối trực tiếp với TPBank hoặc thông qua kết nối với Napas. Mã vạch này có thể được đọc bởi một máy đọc mã vạch hoặc điện thoại di động/thiết bị thông minh có chức năng chụp ảnh với ứng dụng chuyên biệt để quét mã vạch. Mã vạch QR có thể được lưu dưới dạng điện tử hoặc in bản cứng và dán trực tiếp trên cửa hàng/sản phẩm/hàng hóa. Mã QR trên Ứng dụng thanh toán bao gồm các loại mã do TPBank cung cấp. Mã QR có thể chứa thông tin cửa hàng và số tài khoản thanh toán hoặc thông tin hàng hóa/dịch vụ, giá tiền của hàng hóa/dịch vụ. Mã QR gồm 02 loại:
- Mã QR vạn năng tĩnh: Chứa thông tin KH và số tài khoản thanh toán.
 - Mã QR vạn năng động: Do KH tự tạo ra trên Ứng dụng thanh toán, chứa thông tin cửa hàng, số tài khoản thanh toán, thông tin hàng hóa/dịch vụ và giá tiền của hàng hóa/dịch vụ.
- 7. Người mua hàng/Chủ thẻ:** Là người thực hiện việc mua và thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ tại các địa điểm kinh doanh/nơi bán hàng của KH thông qua các phương thức thanh toán của TPBank, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ chấp nhận thanh toán qua TPBank mPOS, TPBank SoftPOS bằng thẻ thanh toán quốc tế, nội địa hoặc/và thông qua mã QR VẠN NĂNG.
- 8. Ứng dụng thanh toán (TPBank SoftPOS/TPBank Mobile/TPBank Biz):** Là các ứng dụng do TPBank phát triển và được cài đặt trên thiết bị di động của ĐVCNTT/ĐVCNT để phục vụ tính năng thanh toán và tính năng chấp nhận thanh toán qua TPBank, đồng thời cho phép KH quản lý các giao dịch thanh toán đã thực hiện.
- 9. Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ:** Là thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán, bao gồm Mobile Point of Sale (viết tắt là mPOS)- thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ do TPBank cung cấp (*đối với dịch vụ TPBank mPOS*) hoặc thiết bị di động của khách hàng được cài đặt ứng dụng TPBank SoftPOS (*đối với dịch vụ TPBank SoftPOS*). Đây là loại thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà chủ thẻ/người mua hàng có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ. Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ dùng để ghi nhận, thực hiện các giao dịch thanh toán bằng thẻ của khách hàng do TPBank cung cấp cùng dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị TPBank mPOS/SoftPOS, có khả năng chấp nhận thẻ thanh toán quốc tế, nội địa.
- 10. Hệ thống TPBank:** Là hệ thống quản lý các dịch vụ thanh toán của TPBank, bao gồm dịch vụ Chấp nhận thanh toán thẻ (TPBank mPOS/TPBank SoftPOS) và dịch vụ thanh toán qua mã QR VẠN NĂNG.
- 11. Thẻ/Thẻ Ngân hàng/Thẻ Thanh Toán:** Là phương tiện do tổ chức phát hành thẻ phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện và điều khoản được các bên thỏa thuận, bao gồm thẻ trả trước, thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng của Người mua hàng/chủ thẻ do TPBank và/hoặc các tổ chức phát hành thẻ phát hành cho Khách hàng mang biểu tượng Napas và thẻ quốc tế mang biểu tượng Visa, MasterCard, JCB, UPI và được TPBank chấp nhận thanh toán. Loại thẻ được chấp nhận thanh toán theo quy định từng thời kỳ của TPBank
- a. Thẻ Nội Địa: Là thẻ được phát hành bởi các tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam và được sử dụng để thực hiện giao dịch tại Việt Nam.
 - b. Thẻ Quốc Tế: Là thẻ được phát hành bởi các Tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam liên kết với các tổ chức thẻ quốc tế.
 - c. Thẻ Napas: Là thẻ có logo Napas trên thẻ, Napas là thương hiệu của Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
 - d. Thẻ Visa: Là Thẻ có logo Visa trên thẻ, Visa là tổ chức thẻ quốc tế.
 - e. Thẻ MasterCard: Là Thẻ có logo Mastercard trên thẻ, MasterCard là tổ chức thẻ quốc tế.
 - f. Thẻ JCB: Là Thẻ có logo JCB trên thẻ, JCB là tổ chức thẻ quốc tế.
 - g. Thẻ UnionPay: Là Thẻ có logo UnionPay trên thẻ, UnionPay là tổ chức thẻ quốc tế.

- 12. Tính năng contactless (tính năng thẻ không tiếp xúc):** Là các thẻ có biểu tượng contactless (không tiếp xúc) hoặc các thẻ được gắn vào thiết bị thông minh của chủ thẻ có hỗ trợ contactless (Samsung Pay, Apple Pay ...).
- 13. Tap to phone/Tap on phone/Tap on mobile:** Là tính năng chấp nhận thanh toán thẻ contactless thông qua việc sử dụng thiết bị di động có hỗ trợ chip NFC (Near Field Communication - công nghệ giao tiếp trường gần) và đã được cài đặt ứng dụng TPBank SoftPOS. Theo đó, Chủ thẻ khi thanh toán giao dịch qua ứng dụng TPBank SoftPOS, chủ thẻ xuất trình thẻ tiếp xúc với thiết bị di động của ĐVCNT theo hướng dẫn sử dụng ứng dụng TPBank SoftPos do TPBank cung cấp cho ĐVCNT mà không cần quét thẻ như máy POS thông thường.
- 14. Giao dịch thẻ:** Là việc Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ được cung ứng bởi ĐVCNT.
- 15. Giao dịch thẻ contactless:** Là giao dịch thẻ có xuất trình thẻ nhưng không có sự tiếp xúc trực tiếp với khe từ hoặc khe chip của thiết bị chấp nhận thẻ.
- 16. Giao dịch thanh toán qua Mã phản hồi nhanh (Quick Response Code - viết tắt là QR Code):** Là việc sử dụng dịch vụ thanh toán để trả tiền, chuyển tiền thông qua QR Code của tổ chức, cá nhân.
- 17. Tổ chức phát hành thẻ (TCPHT):** Là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác được thực hiện phát hành thẻ theo quy định của pháp luật.
- 18. Tổ chức thanh toán thẻ (TCTTT):** Là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định của pháp luật.
- 19. Tổ chức thẻ quốc tế (TCTQT):** Là tổ chức được thành lập, hoạt động tại nước ngoài có thỏa thuận với TCPHT, TCTTT và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ đối với các thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ (BIN) do TCTQT cấp hoặc của quốc gia khác.
- 20. Tổ chức Cung ứng dịch vụ trung gian Thanh toán (TCTGTT):** Là các tổ chức đối tác của TPBank, hợp tác với TPBank trong việc cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán cho ĐVCNT.
- 21. Số thẻ:** Là dãy số do TCPHT tạo ra cho mỗi Thẻ. Số thẻ được in nổi hoặc in chìm trên Thẻ.
- 22. Thời hạn hiệu lực của Thẻ:** là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ và được in trên Thẻ.
- 23. Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number – PIN):** Là mã số mật được TCPHT cấp cho chủ thẻ lần đầu và sau đó chủ thẻ thay đổi theo quy trình được xác định để sử dụng trong các giao dịch thẻ.
- 24. Tài khoản đăng nhập:** Là tài khoản đăng nhập/tài khoản điện tử ứng dụng thanh toán hoặc thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ do TPBank cung cấp cho ĐVCNTT/ĐVCNT.
- 25. Mật khẩu đăng nhập:** Là dãy ký tự sử dụng để đăng nhập các ứng dụng thanh toán do TPBank cung cấp cho ĐVCNTT/ĐVCNT. Mật khẩu đăng nhập ban đầu là dãy số ngẫu nhiên do TPBank cung cấp, ĐVCNT phải đổi mật khẩu trong lần đăng nhập ứng dụng thanh toán đầu tiên đảm bảo tính bảo mật.
- 26. Tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT:** Là tài khoản thanh toán của ĐVCNTT/ĐVCNT mở tại TPBank để ĐVCNTT/ĐVCNT nhận thanh toán từ các dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ và nhận tiền thu hộ từ thiết bị mPOS/SoftPOS và/hoặc từ mã QR Vạn Năng, đồng thời là tài khoản để TPBank thu phí giao dịch, phí quản lý phát sinh từ việc sử dụng các dịch vụ chấp nhận thanh toán theo Hợp Đồng. Mỗi loại dịch vụ (mPOS/SoftPOS và/hoặc mã QR Vạn Năng) tương ứng với 01 tài khoản thanh toán khác nhau của ĐVCNTT/ĐVCNT mở tại TPBank có thông tin chi tiết tại Hợp Đồng.
- 27. Hạn mức giao dịch:** Là giá trị tối đa của mỗi giao dịch mà TPBank/TCPHT cho phép Người mua hàng/Chủ thẻ có quyền quyết định việc thực hiện thanh toán.
- 28. Hạn mức giao dịch của ĐVCNTT/ĐVCNT:** Là giá trị tối đa của giao dịch mà TPBank cho phép ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán/nhận tiền thu hộ.
- 29. Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNTT/ĐVCNT:** Là giá trị tối đa của từng giao dịch mà TPBank cho phép ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán/nhận tiền thu hộ về TKTT mở tại TPBank.

- 30. Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNTT/ĐVCNT:** Là giá trị đối đa của giao dịch trong một ngày mà TPBank cho phép ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán/nhận tiền thu hộ về TKTT mở tại TPBank.
- 31. Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNTT/ĐVCNT:** Là giá trị đối đa của các giao dịch trong một tháng mà TPBank cho phép ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện việc chấp nhận thanh toán/nhận tiền thu hộ về TKTT mở tại TPBank.
- 32. Giao dịch gian lận, giả mạo:** là giao dịch xảy ra khi việc sử dụng TKTT/Thẻ hoặc thông tin về TKTT/Thẻ được dùng để mua hàng hóa, dịch vụ mà không được sự cho phép của người mua hàng/Chủ thẻ và/hoặc trái quy định của pháp luật và của các TCPHT/Napas, TCTQT. Việc xác định giao dịch gian lận/giả mạo dựa trên các thông tin tra soát, khiếu nại của người mua hàng/Chủ thẻ hoặc dựa trên các báo cáo giả mạo, các thông báo của Napas/TCPHT, thông báo của các TCTQT hoặc dựa trên kết luận điều tra, xác minh của cơ quan chức năng hoặc theo đánh giá của TPBank.
- 33. Mã số chuẩn chi/ Mã chuẩn chi:** Là dãy số riêng biệt mà TPBank hoặc TCPHT cấp cho mỗi giao dịch thẻ được phép thực hiện.
- 34. Biên lai thanh toán:** Là biên lai điện tử hoặc biên lai giấy có đầy đủ các thông tin về giao dịch theo quy định của TPBank và pháp luật hiện hành.
- 35. Hóa đơn thanh toán:** Là hóa đơn/chứng từ thể hiện hoạt động kinh doanh/mua bán hàng hóa dịch vụ do ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp cho người mua hàng/chủ thẻ sau khi thực hiện giao dịch thành công thông qua thiết bị mPOS/SoftPOS và/hoặc qua mã QR VẠN NĂNG của TPBank, trong đó thể hiện rõ nội dung giao dịch, giá trị giao dịch, thông tin của ĐVCNTT/ĐVCNT, thông tin của người mua hàng/chủ thẻ và các thông tin bắt buộc khác theo quy định của pháp luật.
- 36. Lệnh quyết toán giao dịch:** Là lệnh thanh quyết toán giao dịch thanh toán thẻ mà ĐVCNT gửi về TPBank để yêu cầu thanh toán. Lệnh quyết toán giao dịch được thực hiện trên thiết bị/ ứng dụng chấp nhận thanh toán của TPBank và/ hoặc cổng quản trị của TPBank cung cấp cho ĐVCNT.
- 37. Tra soát:** Là yêu cầu của Chủ thẻ/ĐVCNT/TCTT khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thu hộ/giao dịch thẻ và cung cấp bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của Hóa đơn thanh toán, hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ và các chứng từ khác theo yêu cầu của TPBank để kiểm tra tính xác thực của giao dịch thu hộ/giao dịch thẻ đã thực hiện.
- 38. Truy đòi:** Là việc TPBank thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền đã thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT và các khoản chi phí phát sinh (nếu có).
- 39. Thu hồi thiết bị:** Là việc ĐVCNT trả lại thiết bị Chấp nhận thanh toán cho TPBank theo các quy định tại Hợp Đồng này.
- 40. Giao dịch hủy/Hủy giao dịch/VOID:** Là việc hủy bỏ giao dịch thẻ thực hiện trước đó tại ĐVCNT.
- 41. Phí giao dịch:** là phí giao dịch thanh toán tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch được thực hiện thành công thông qua các dịch vụ Chấp nhận thanh toán của TPBank theo Biểu phí theo quy định của TPBank theo từng thời kỳ.
- 42. Phí quản lý thiết bị liên quan đến dịch vụ thẻ:** Là khoản phí tính trên từng tháng đối với mỗi Thiết bị chấp nhận thanh toán mà TPBank đã cấp cho ĐVCNT. Biểu phí theo quy định của TPBank theo từng thời kỳ.
- 43. Ngày:** Là ngày làm việc theo quy định của TPBank nhưng không bao gồm ngày nghỉ lễ, Tết, ngày nghỉ bù, ngày nghỉ hoán đổi theo quy định pháp luật/ Nhà nước và của TPBank.
- 44. Ngày thực hiện giao dịch (Transaction Date):** Là ngày được thể hiện trên dữ liệu giao dịch của hệ thống.
- 45. Ngày xử lý giao dịch (Transaction Processing Date):** Là ngày được cập nhật vào hệ thống của TPBank sau khi TPBank thực hiện chốt số liệu với các tổ chức thẻ trong nước và quốc tế.
- 46. Kỳ thanh toán:** Là ngày mà TPBank thực hiện thanh toán cho ĐVCNT các giao dịch của các ngày giao dịch trước ngày thực hiện thanh toán.
- 47. Thanh toán trước khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ:** Là việc ĐVCNTT/ĐVCNT yêu cầu Chủ thẻ/Người mua hàng thực hiện thanh toán trước khi giao nhận hàng hóa hoặc hoàn thành cung ứng

dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn: vé máy bay, tour du lịch, khóa học, dịch vụ định kỳ trả trước, gói chăm sóc sức khỏe, dịch vụ nha khoa, hàng hóa đặt trước (pre-order),...

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết thực hiện đúng, tuân thủ các nội dung của Hợp Đồng và Điều kiện Điều khoản này, cũng như các quy định, thông báo khác của TPBank có liên quan đến việc chấp nhận thanh toán qua TPBank.
2. ĐVCNTT sử dụng tính năng nhận tiền thu hộ về tài khoản của KH mở tại TPBank phát sinh từ các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ từ TKTT người mua hàng và các quy định của TPBank. Cam kết duy trì số dư trên tài khoản của KH mở tại TPBank để đảm bảo sử dụng dịch vụ và thanh toán cho các khoản phí dịch vụ thanh toán trên TKTT của KH theo thỏa thuận với TPBank.
3. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết đồng ý chịu mọi tổn thất nếu tổn thất đó được gây ra do bất cẩn, lỗi hay bất kỳ hành vi sai trái, lừa đảo hay bất kỳ vi phạm pháp luật nào do nhân viên của mình gây ra trong quá trình thực hiện giao dịch.
4. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp và hợp lệ đối với các thông tin và chứng từ thanh toán mà TPBank nhận được để thực hiện thanh toán ĐVCNTT/ĐVCNT và các chỉ dẫn thanh toán do ĐVCNTT/ĐVCNT chỉ định và gửi tới TPBank để TPBank thực hiện cung cấp các dịch vụ cho ĐVCNTT/ĐVCNT và người mua hàng.
5. Trong trường hợp giao dịch mà TPBank thực hiện theo yêu cầu của ĐVCNTT/ĐVCNT không chính xác, sai sót, nhầm lẫn hoặc có sự nhầm lẫn khi TPBank thực hiện cung cấp dịch vụ, ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm hoàn trả ngay cho TPBank những khoản tiền thanh toán sai sót, nhầm lẫn và đồng ý để TPBank có quyền tự động trích lại khoản tiền sai sót, nhầm lẫn này khi TPBank phát hiện ra việc hạch toán sai hoặc khi ĐVCNTT/ĐVCNT nhận được thông báo của TPBank mà KH không chứng minh được quyền thụ hưởng khoản tiền đó.
6. ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm giải quyết toàn bộ khiếu nại, tranh chấp của chủ thẻ/người mua hàng phát sinh từ việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ và việc thanh toán thông qua dịch vụ chấp nhận thanh toán của Ngân hàng. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm đối với mọi vấn đề liên quan đến chất lượng hàng hóa, dịch vụ và số tiền thanh toán; đồng thời có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng và/hoặc chủ thẻ/người mua hàng mọi khoản thanh toán không chính xác.
7. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ mà ĐVCNT kinh doanh và/hoặc cung ứng cho Người mua hàng/Chủ thẻ; cam kết không thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật. ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện cung cấp các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh của ĐVCNTT/ĐVCNT là hợp pháp khi ký kết Hợp Đồng này. TPBank có quyền từ chối thanh toán các giao dịch được TPBank xác định/chứng minh vi phạm điều khoản này.
8. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý chấp nhận cho Người mua hàng/Chủ thẻ thanh toán giá trị hàng hóa/dịch vụ thông qua các dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank theo quy định của Hợp Đồng và Điều kiện Điều khoản này. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không thực hiện quảng cáo, chào hàng hoặc bất kỳ hình thức giới thiệu nào khác nhằm khuyến khích Chủ thẻ/Người mua hàng thay đổi hình thức thanh toán sang hình thức thanh toán khác.
9. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không phân biệt đối xử với Chủ thẻ/Người mua hàng khi sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hoá dịch vụ, cam kết không phân biệt giá hoặc thu thêm tiền hoặc các loại phí hoặc phụ phí đối với các giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt so với thanh toán bằng tiền mặt và phân biệt giá giữa các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt, bao gồm cả các hàng hoá dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ hoặc qua mã QR VẠN NẮNG.
10. Trong trường hợp có những ưu đãi đặc biệt như giảm giá hay tặng quà khuyến mại, ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết cân nhắc việc cũng dành cho các Chủ thẻ/Người mua hàng bằng thẻ những ưu đãi đó.
11. Nếu ĐVCNTT/ĐVCNT thu thêm tiền, phí, phụ phí hay tăng giá hàng hoá dịch vụ đối với Chủ thẻ/Người mua hàng do Chủ thẻ/Người mua hàng thanh toán bằng Thẻ và/hoặc qua mã QR VẠN NẮNG

Năng thì ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch giá, phụ phí đã thu trái quy định cho Chủ thẻ/Người mua hàng thanh toán (cần lưu lại bằng chứng hoàn trả) hoặc hoàn trả cho Chủ thẻ/Người mua hàng thông qua TPBank.

12. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết chỉ thực hiện thanh toán Thẻ và/hoặc thanh toán qua mã QR VnPay cho mục đích thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ hợp pháp do ĐVCNTT/ĐVCNT cung ứng cho Chủ thẻ/Người mua hàng, không ứng tiền mặt cho Chủ thẻ/Người mua hàng, không chấp nhận thanh toán Thẻ cho bất kỳ giao dịch nào (thanh toán nợ, rút tiền mặt...) không phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa Chủ thẻ/Người mua hàng với ĐVCNTT/ĐVCNT, không chấp nhận thanh toán cho các giao dịch bất hợp pháp, giao dịch gian lận, giả mạo, giao dịch thanh toán khống và không thực hiện thanh toán Thẻ hộ cho đơn vị khác. Đồng thời ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không chấp nhận thanh toán Thẻ, thanh toán qua mã QR VnPay để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
13. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không chuyển thiết bị chấp nhận thẻ của TPBank (mPOS và/ hoặc SoftPOS) và/hoặc mã QR VnPay cho bên khác sử dụng và/hoặc ra khỏi lãnh thổ Việt Nam; không sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ TPBank mPOS/SoftPOS và/hoặc mã QR VnPay. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập trái phép, phá hủy chương trình hoặc cơ sở dữ liệu của ứng dụng thanh toán của TPBank. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra do bị dán đè QR code không hợp lệ, hợp pháp khi khách hàng thực hiện giao dịch thanh toán.
14. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết không lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ/mã QR hoặc tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật; cũng như không mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý tự chịu trách nhiệm cho mọi rủi ro thiệt hại phát sinh từ việc lộ thông tin thẻ/mã QR, thông tin chủ thẻ/mã QR do ĐVCNTT/ĐVCNT gây ra.
15. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp, quy trình kỹ thuật nghiệp vụ và bảo mật thông tin chủ thẻ/mã QR/thông tin giao dịch thẻ/thông tin giao dịch thanh toán, phát hiện gian lận, giả mạo trong giao dịch thanh toán/giao dịch thẻ.
16. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh tại ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc bồi thường toàn bộ thiệt hại cho TPBank hoặc Chủ thẻ/Người mua hàng thanh toán qua mã QR VnPay/bằng thẻ nếu ĐVCNTT/ĐVCNT không thực hiện đúng các nội dung Hợp Đồng này, cũng như các quy định, thông báo khác có liên quan đến việc chấp nhận thanh toán của TPBank.
17. Dịch vụ được TPBank cung cấp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối Internet và TPBank không đảm bảo việc cung cấp Dịch vụ một cách liên tục và không bị gián đoạn. Vì thế, mặc dù ĐVCNTT/ĐVCNT có thể sử dụng Dịch vụ vào mọi thời điểm, ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý rằng tại một số thời điểm nhất định có thể sẽ không truy cập, sử dụng, thực hiện được một số hoặc tất cả các Dịch vụ do việc bảo trì hệ thống hoặc vì bất kỳ lý do nào khác. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý miễn trừ và TPBank được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp giao dịch thiết lập trên ứng dụng thanh toán của TPBank không thực hiện được vì các lý do trên.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN/ĐƠN VỊ CHẤP NHẬN THẺ

1. Quyền của ĐVCNTT/ĐVCNT

- a. ĐVCNTT/ĐVCNT được Ký kết Hợp đồng quy định rõ quyền và nghĩa vụ các bên; Được quyền lựa chọn sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán và yêu cầu TPBank cung cấp thông tin về việc thực hiện các dịch vụ thanh toán cũng như nhận thông báo, hướng dẫn cảnh báo từ TPBank để nhận biết phòng tránh rủi ro khi sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán.
- b. Được thỏa thuận với TPBank về quyền và nghĩa vụ khi sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- c. Được yêu cầu TPBank cung cấp thông tin về việc thực hiện các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận.

- d. Trường hợp đăng ký dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị TPBank mPOS/SoftPOS thì sử dụng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ, tính năng chấp nhận thanh toán và các tính năng khác được TPBank cung cấp trên Ứng dụng chấp nhận thanh toán để thực hiện Dịch vụ với hạn mức được TPBank quy định theo từng thời kỳ.
- e. Trường hợp đăng ký dịch vụ thanh toán qua mã QR Vụn Nặng thì sử dụng tính năng thanh toán qua mã QR Vụn Nặng được TPBank cung cấp trên Ứng dụng thanh toán để thực hiện Dịch vụ với hạn mức được TPBank quy định theo từng thời kỳ. Đối với KH cá nhân sử dụng Ứng dụng TPBank Mobile và KH hộ kinh doanh sử dụng Ứng dụng TPBank Biz.
- f. Có quyền khiếu nại, tra soát đối với những giao dịch có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ theo quy định của pháp luật. Được tra soát, khiếu nại và yêu cầu TPBank bồi thường thiệt hại khi: TPBank thực hiện thanh toán chậm so với thỏa thuận, không thực hiện giao dịch hoặc thực hiện không khớp đúng với lệnh thanh toán, thu phí không đúng loại phí hoặc mức phí mà TPBank đã công bố và các vi phạm khác trong thỏa thuận. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho TPBank trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày ĐVCNTT/ĐVCNT biết quyền và lợi ích của mình bị vi phạm nhưng không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày quyền và lợi ích của ĐVCNTT/ĐVCNT bị vi phạm. Quá thời hạn trên, TPBank sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của ĐVCNTT/ĐVCNT không liên quan đến lỗi của TPBank theo đánh giá của TPBank, ĐVCNTT/ĐVCNT sẽ phải chịu phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của TPBank và chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh/thanh toán cho Chủ thẻ đối với các trường hợp này.
- g. Yêu cầu TPBank cung cấp thông tin tra soát Dịch vụ qua:
- **Số điện thoại hỗ trợ khách hàng:** 19006036 (1.000đ/phút) /1900585885 (2.000đ/phút) / 024 37683683 (Nhánh số 3)
 - hoặc số điện thoại quy định khác của TPBank theo từng thời điểm;
 - **Hệ thống Quản lý ĐVCNT:** mpos.tpb.vn
 - **Website:** <http://www.tpb.vn>
 - **Email:** dichvu_khachhang@tpb.com.vn
- h. Các quyền khác liên quan đến các dịch vụ Chấp nhận thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng và Điều kiện Điều khoản này, theo quy định từng thời kỳ của TPBank và Pháp luật.

2. Trách nhiệm của ĐVCNTT/ĐVCNT

- a. ĐVCNTT/ĐVCNT mở Tài khoản thanh toán tại TPBank để nhận thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ của TPBank (mPOS/SoftPOS) và/hoặc qua mã QR Vụn Nặng.
- b. ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện, điều khoản và quy trình đối với dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị mPOS/SoftPOS và/hoặc qua mã QR Vụn Nặng theo quy định của TPBank và theo thỏa thuận với TPBank.
- c. ĐVCNT đảm bảo phần mềm mPOS được cài đặt theo hướng dẫn của TPBank, màn hình mPOS hiển thị tình trạng sẵn sàng phục vụ để người dùng biết và không thực hiện thanh toán khi thiết bị mPOS không kết nối được về trung tâm thanh toán thẻ và không được lưu trữ các giao dịch thẻ; chịu trách nhiệm thiết lập thêm các tính năng bảo mật phòng chống bị mất, trộm cắp (tính năng theo dõi vị trí qua GPS, mã hóa ổ đĩa lưu trữ). Đồng thời, ĐVCNT phải quản lý thông tin về số serial, phiên bản phần mềm của thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ.
- d. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và ứng dụng thanh toán không bị bẻ khóa (jailbreaking hoặc rooting), tắt các kết nối không cần thiết cho việc sử dụng thanh toán;... và tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật theo quy định của TPBank.
- e. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết chỉ sử dụng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và/hoặc qua mã QR Vụn Nặng để thực hiện thanh toán tại địa bàn đã đăng ký.

- f. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết bảo mật các thông tin tên đăng nhập, mật khẩu truy cập ứng dụng thanh toán, giao dịch của người mua hàng và TPBank. Thông báo ngay cho TPBank ngay khi có nghi ngờ có giao dịch gian lận hoặc bị lộ thông tin tên đăng nhập, mật khẩu truy cập, điện thoại di động đang sử dụng dịch vụ thông qua hotline của TPBank.
- g. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các loại hàng hóa/dịch vụ ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp và cam kết không thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định của Pháp luật.
- h. ĐVCNTT/ĐVCNT thường xuyên kiểm tra, giám sát các công cụ thiết bị chấp nhận thanh toán (mPOS/SoftPOS/Mã QR Vạn Năng) tại điểm chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ tránh việc sử dụng không đúng mục đích đã đăng ký và chịu trách nhiệm thiệt hại xảy ra do bị dán đè QR code không hợp lệ, hợp pháp khi người mua hàng/chủ thẻ thực hiện giao dịch thanh toán.
- i. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với việc chấp nhận thanh toán cho các giao dịch do người mua hàng thực hiện qua dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank. Xác nhận việc tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện giao dịch trên ứng dụng thanh toán của TPBank là do người sử dụng đang đại diện cho ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện, chứng tỏ được sự chấp thuận của ĐVCNTT/ĐVCNT đối với nội dung giao dịch mà không được quyền phủ nhận giá trị pháp lý của giao dịch được thực hiện bởi Người sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào.
- j. Trong quá trình sử dụng, nếu ĐVCNTT/ĐVCNT gây lộ thông tin hoặc tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT trên ứng dụng thanh toán của TPBank dẫn đến bị người khác lợi dụng hoặc can thiệp, giả mạo thì ĐVCNTT/ĐVCNT hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh đối với các giao dịch được thực hiện thông qua ứng dụng chấp nhận thanh toán của TPBank.
- k. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của TPBank khi đăng ký cũng như trong quá trình sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hóa đơn, chứng từ thanh toán mà mình cung cấp. Nếu ĐVCNTT/ĐVCNT có sự gian lận trong việc sử dụng các giấy tờ pháp lý để đăng ký dịch vụ hoặc TPBank nghi ngờ giao dịch có dấu hiệu gian lận, giả mạo, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thì TPBank có quyền từ chối cung cấp dịch vụ hoặc chấm dứt việc sử dụng dịch vụ tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần sự đồng ý của ĐVCNTT/ĐVCNT; đồng thời ĐVCNTT/ĐVCNT phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thiệt hại và bồi thường các thiệt hại phát sinh cho TPBank (nếu có).
- l. ĐVCNTT/ĐVCNT phải thông báo cho TPBank bằng văn bản ngay khi có bất cứ thay đổi nào liên quan đến thông tin ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank như: TKTT, địa chỉ, người có thẩm quyền, chủng loại hàng hóa, dịch vụ, ngành nghề kinh doanh mà ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp và việc chấm dứt hoạt động của ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc bất kỳ một đơn vị trực thuộc nào của ĐVCNTT/ĐVCNT.
- m. ĐVCNTT/ĐVCNT phải thực hiện niêm yết công khai giá hàng hóa, dịch vụ kinh doanh và cam kết về việc không phân biệt giá hoặc thu thêm tiền, phụ phí đối với các giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt so với thanh toán bằng tiền mặt. ĐVCNTT/ĐVCNT phải hoàn trả lại hoặc thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ chấp nhận thanh toán để hoàn trả lại cho người mua hàng số tiền chênh lệch giá, phụ phí đã thu trái quy định.
- n. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết tuân thủ việc:
- Lưu trữ đầy đủ chứng từ, hóa đơn giao dịch khi thực hiện cung cấp hàng hóa dịch vụ (thời gian lưu trữ có thể lên đến 540 ngày)
 - Hóa đơn, chứng từ lưu trữ đảm bảo đầy đủ thông tin về Chủ thẻ/Người mua hàng (Tên, số GTT, địa chỉ, Số điện thoại, email...) và đầy đủ chữ ký xác nhận của Chủ thẻ/Người mua hàng.
 - Hóa đơn, chứng từ giao dịch quy định rõ về việc tiếp nhận xử lý tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ/Người mua hàng (như: thời gian giao hàng, quy định đổi trả hàng, quy định về xử lý khi sản phẩm có lỗi; thời gian chấp nhận tra soát khiếu nại...) hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa ĐVCNTT/ĐVCNT với Chủ thẻ/Người mua hàng có những quy định chặt chẽ về việc tiếp nhận xử lý tra soát, khiếu nại từ Chủ thẻ/Người mua hàng, phù hợp với từng loại hình

- hàng hóa, dịch vụ cung cấp. Trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT không quy định trên hóa đơn, chứng từ, hợp đồng về điều khoản xử lý tra soát, khiếu nại cần có các bảng biểu thông báo tại địa điểm cơ sở kinh doanh, website chính thức của ĐVCNTT/ĐVCNT liên quan đến quy định này.
- Hóa đơn thanh toán phải được in và được gửi đến chủ thẻ/người mua hàng theo đúng quy định của pháp luật.
 - o. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết trực tiếp thương lượng, giải quyết với Chủ thẻ/Người mua hàng về các yêu cầu tra soát, khiếu nại có liên quan đến chất lượng, quy cách hàng hóa (mẫu mã, chất liệu, màu sắc...), dịch vụ do ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp. Trong trường hợp Chủ thẻ từ chối thanh toán một phần hoặc toàn bộ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ cho TPBank do những khiếu nại chưa được giải quyết, ĐVCNTT/ĐVCNT hoàn toàn đồng ý để TPBank thực hiện quyền truy đòi một phần hoặc toàn bộ số tiền mà TPBank đã thanh toán tạm ứng cho ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc đảo chi giao dịch và các chi phí phát sinh (nếu có) theo quy định của Hợp Đồng này.
 - p. ĐVCNTT/ĐVCNT phải thông báo ngay lập tức tới TPBank nếu vì bất kỳ lý do nào, ĐVCNTT/ĐVCNT ngừng chấp nhận Thẻ/QR để Thanh toán hàng hóa, dịch vụ và/hoặc có quyền thông báo việc này với các Tổ chức tín dụng khác, các chủ thẻ và/hoặc các bên liên quan.
 - q. ĐVCNTT/ĐVCNT không được phép chuyển giao các quyền của mình tại Hợp Đồng, Điều kiện Điều khoản này cho một bên nào khác mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của TPBank.
 - r. Việc ngừng chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT sẽ không đồng nghĩa với việc chấm dứt các nghĩa vụ chưa thực hiện của các Bên theo Hợp Đồng này. Các Bên sẽ vẫn chịu sự điều chỉnh của Hợp Đồng này cho tới khi các Bên hoàn tất các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.
 - s. ĐVCNTT/ĐVCNT có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản phí đã cam kết với TPBank đồng thời ủy quyền cho TPBank tự động trích nợ TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank để thu phí giao dịch, các loại phí liên quan đến Dịch vụ của ĐVCNTT/ĐVCNT theo Hợp đồng, Điều kiện Điều khoản này và theo quy định của TPBank, quy định của Pháp luật.
 - t. Trong quá trình sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank, ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý nhận thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi với mục đích quảng cáo, thông báo sản phẩm dịch vụ và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác từ TPBank.
 - u. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng và Điều kiện Điều khoản này, quy định trong từng thời kỳ của TPBank và Pháp luật.
 - v. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý để TPBank tự động trích nợ TKTT hoặc bất kỳ Tài khoản nào khác của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank ngay khi phát sinh tra soát/khiếu nại từ Ngân hàng phát hành.
 - w. Hoàn trả hoặc phối hợp với TPBank hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do TPBank chuyển thừa, chuyển nhầm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp và sự cố hệ thống của TPBank).

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TPBank

1. Quyền của TPBank

- a. TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan và thực hiện các nghĩa vụ theo thỏa thuận phù hợp với quy định của Pháp luật trong quá trình sử dụng dịch vụ.
- b. TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNTT/ĐVCNT hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do TPBank chuyển thừa, chuyển nhầm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của TPBank).
- c. TPBank có quyền khóa dịch vụ (mPOS/SoftPOS/QR Vay năng/từ chối/ngừng/chấm dứt việc thực hiện/cung cấp Dịch vụ, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng vì bất kỳ lý do gì mà không cần báo trước mà không cần chịu bất cứ trách nhiệm gì, khi TPBank thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
 - ĐVCNTT/ĐVCNT thuộc danh sách có nghi ngờ/danh sách đen/danh sách cảnh báo liên quan đến giao dịch gian lận, lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vi phạm pháp luật.
 - Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch chấp nhận thanh toán thẻ/giao dịch thu hộ nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ

- phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Pháp luật về phòng chống rửa tiền; phòng chống khủng bố và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Người mua hàng và/hoặc ĐVCNTT/ĐVCNT không đáp ứng đầy đủ các điều kiện để sử dụng Dịch vụ quy định của TPBank hoặc của pháp luật, không tuân thủ nội dung thỏa thuận trên Hợp đồng, Điều kiện Điều khoản này.
 - Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ vi phạm các quy định tại Hợp Đồng, Điều kiện Điều khoản này của TPBank.
 - Nếu sau 7 ngày từ ngày khởi tạo dịch vụ trên hệ thống (trừ trường hợp ĐVCNT đã gia hạn thời hạn nhận thiết bị) và cấp tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập cho ĐVCNT, TPBank vẫn không thể thực hiện việc gửi thiết bị chấp nhận thanh toán cho ĐVCNT do nguyên nhân từ ĐVCNT hoặc ĐVCNT chủ động từ chối nhận thiết bị.
 - ĐVCNTT/ĐVCNT thay đổi hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh, ngành nghề kinh doanh nhưng không thông báo trước cho TPBank ít nhất 05 ngày làm việc.
 - ĐVCNT có dấu hiệu/hành vi gian lận, giả mạo, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định pháp luật, giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ), vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và vi phạm các quy định khác về thanh toán thẻ của TPBank, TCTTT, TCTQT hoặc quy định pháp luật.
 - Trong trường hợp TPBank phát hiện ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện giao dịch không, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trái phép, theo quy định của Nhà nước/pháp luật và các tổ chức thanh toán thẻ/tổ chức chuyển mạch thẻ/TCTQT; ĐVCNTT/ĐVCNT có hành vi thanh toán hoặc bất cứ hành vi nào vi phạm quy định của pháp luật/của Hợp Đồng hoặc ĐVCNTT/ĐVCNT bị các cơ quan nhà nước tiến hành điều tra, khởi tố. TPBank có quyền đơn phương chấm dứt cung cấp dịch vụ cho ĐVCNTT/ĐVCNT ngay lập tức và phong tỏa tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank để phòng ngừa và khắc phục các sự cố phát sinh (nếu có).
 - ĐVCNTT/ĐVCNT không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các loại phí liên quan đến dịch vụ chấp nhận thanh toán TPBank.
 - ĐVCNT hoạt động không hiệu quả theo kết quả rà soát đánh giá định kỳ của TPBank.
 - Các trường hợp liên quan đến giả mạo và rủi ro, giao dịch có nội dung trái với quy định pháp luật.
 - TPBank phát hiện hoặc có cơ sở để cho rằng ĐVCNTT/ĐVCNT chuyển thiết bị chấp nhận thẻ cho bên khác sử dụng; chấp nhận thanh toán thẻ mà không có hợp đồng thanh toán thẻ; sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ của TPBank ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài.
 - Tại ĐVCNT/ĐVCNTT phát sinh giao dịch được TPBank/TCTQT/Tổ chức chuyển mạch thẻ/TCTTT khác/cơ quan nhà nước có thẩm quyền... xác định liên quan đến rủi ro/giả mạo và/hoặc có nghi ngờ bị rủi ro/giả mạo.
 - Theo đánh giá của TPBank trong từng thời kỳ.
- d. TPBank có quyền thực hiện việc gửi thư điện tử, tin nhắn, gọi điện cho ĐVCNTT/ĐVCNT với nội dung, số lượng, thời điểm, thời hạn và các yếu tố khác theo toàn quyền quyết định của TPBank, phù hợp với mục đích và nội dung của Dịch vụ mà TPBank cung cấp.
- e. TPBank được quyền tự động trích nợ TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank để thu phí giao dịch, các loại phí liên quan đến Dịch vụ của ĐVCNTT/ĐVCNT khi thực hiện Dịch vụ phù hợp với quy định của TPBank và Pháp luật.
- f. TPBank có quyền tự động trích nợ số tiền giao dịch trên TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT ngay khi nhận được tra soát/ khiếu nại từ Ngân hàng phát hành thẻ.
- g. TPBank có quyền phong tỏa tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT, từ chối thanh toán hoặc truy đòi một phần hoặc toàn bộ các khoản đã tạm ứng hoặc tự động trích nợ tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc đảo chi để hoàn trả/bồi thường/thanh toán chi phí/thiệt hại... đối với các giao dịch thực hiện tại ĐVCNTT/ĐVCNT trong các trường hợp sau:

- Giao dịch có hóa đơn thanh toán không hợp lệ. Hóa đơn thanh toán hợp lệ là các hóa đơn thanh toán đáp ứng đầy đủ quy định của Hợp đồng này, cũng như quy định của TPBank và các quy định của pháp luật hiện hành.
 - Giao dịch thẻ được thực hiện cho mục đích thanh toán không phù hợp với loại hình kinh doanh của ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank.
 - Giao dịch thẻ được thực hiện với số tiền giao dịch, thời gian giao dịch, tần suất giao dịch bất thường đối với loại hình kinh doanh ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank.
 - ĐVCNTT/ĐVCNT có hành vi gian lận, không thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định của Hợp đồng, Điều kiện điều khoản này, cũng như các quy định của TPBank đã được thông báo cho ĐVCNTT/ĐVCNT bằng hình thức TPBank cho là phù hợp.
 - Giao dịch thẻ không có số chuẩn chi hoặc số chuẩn chi trên Hóa đơn thanh toán thẻ không trùng với số chuẩn chi do TPBank cung cấp.
 - TPBank đã từ chối yêu cầu cấp phép/chuẩn chi nhưng ĐVCNTT/ĐVCNT vẫn chấp nhận thanh toán Giao dịch thẻ.
 - Giao dịch thẻ mà ĐVCNTT/ĐVCNT xuất trình chứng từ chậm so với quy định của TPBank.
 - Giao dịch liên quan đến khiếu nại, tra soát của Chủ thẻ
 - Giao dịch thẻ được TPBank/TCTQT/Tổ chức chuyển mạch thẻ/TCTTT khác/cơ quan nhà nước có thẩm quyền... xác định liên quan đến giả mạo và/hoặc có nghi ngờ bị giả mạo.
 - TPBank thanh toán thừa cho ĐVCNTT/ĐVCNT do lỗi của hệ thống kỹ thuật hoặc các lý do khác ngoài khả năng kiểm soát của TPBank.
- h. Trong trường hợp TPBank yêu cầu ĐVCNT giữ lại Thẻ của Chủ thẻ, ĐVCNT cần thực hiện yêu cầu bằng biện pháp an toàn. TPBank không chịu trách nhiệm với bất cứ khiếu nại nào về thương tổn tới con người, tài sản của Chủ thẻ cũng như ĐVCNT phát sinh trong quá trình thu giữ Thẻ.
- i. Quyền truy đòi đầy đủ được hiểu là việc TPBank có toàn quyền thu hồi toàn bộ hoặc một phần khoản tiền đã thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT theo quy định Hợp đồng và Điều khoản, Điều kiện này, các loại phí liên quan đến hoạt động thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và các chi phí phát sinh (nếu có). TPBank được quyền thực hiện truy đòi thông qua việc ghi nợ TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT mở tại TPBank hoặc trừ vào các khoản thanh toán tiếp theo hoặc sử dụng tiền phong tỏa/ký quỹ theo quy định tại Hợp đồng.
- Trong trường hợp TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT không có/không đủ số dư hoặc ĐVCNTT/ĐVCNT không thực hiện phong tỏa/ký quỹ theo quy định, TPBank được quyền tiếp tục ghi nợ khi TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT phát sinh số dư; hoặc yêu cầu ĐVCNTT/ĐVCNT phải thực hiện việc hoàn trả bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản tới tài khoản của TPBank trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo truy đòi. Quyền truy đòi đầy đủ của TPBank giữ nguyên giá trị ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.
- j. TPBank được miễn trách nhiệm đối với mọi rủi ro xảy ra liên quan đến các giao dịch do người mua hàng thực hiện thông qua Ứng dụng thanh toán của TPBank, bao gồm không giới hạn các rủi ro liên quan đến chất lượng hàng hóa, dịch vụ, đối tác của ĐVCNTT/ĐVCNT.
- k. Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, quy định từng thời kỳ của TPBank và Pháp luật.

2. Trách nhiệm của TPBank

- a. Thực hiện cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán qua thiết bị mPOS/SoftPOS và mã QR Vạn năng theo quy định của NHNN.
- b. Chịu trách nhiệm bảo mật và bảo đảm tính toàn vẹn, chính xác của thông tin dữ liệu liên quan đến các giao dịch.
- c. Thông báo, hướng dẫn ĐVCNTT/ĐVCNT sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán mà mình cung cấp; trả lời hoặc xử lý kịp thời các yêu cầu hỗ trợ, tra soát, khiếu nại của ĐVCNTT trong phạm vi nghĩa vụ và quyền hạn của mình.
- d. Thực hiện hỗ trợ, xử lý, khắc phục khi có các yêu cầu từ phía ĐVCNTT/ĐVCNT.
- e. Thực hiện giao dịch thanh toán kịp thời, an toàn, chính xác theo thỏa thuận với ĐVCNTT/ĐVCNT.

- f. Điều chỉnh kịp thời nhằm lẫn, sai sót của giao dịch thanh toán.
- g. Thực hiện những biện pháp nhận biết ĐVCNTT/ĐVCNT; kiểm soát, phát hiện, báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch thanh toán đáng ngờ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật phòng chống rửa tiền và các quy định Pháp luật khác có liên quan.
- h. Phối hợp với ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch khi phát sinh khiếu nại hoặc đề nghị tra soát từ ĐVCNTT/ĐVCNT.
- i. Cung cấp đầy đủ thông tin định kỳ, đột xuất về các giao dịch nếu có yêu cầu của ĐVCNTT/ĐVCNT;
- j. Công bố, thỏa thuận các loại phí và mức phí cho ĐVCNTT/ĐVCNT trước khi ĐVCNTT/ĐVCNT sử dụng Dịch vụ (nếu có).
- k. Tuân thủ đúng quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử và về đảm bảo an toàn, bảo mật, quản lý rủi ro trong hoạt động chấp nhận thanh toán.
- l. Thông báo, cảnh báo để các ĐVCNTT/ĐVCNT nhận biết và phòng tránh những rủi ro khi sử dụng dịch vụ chấp nhận thanh toán và tuân thủ đúng quy định tại Hợp đồng và Điều kiện Điều khoản này cũng như các thỏa thuận đã ký kết với TPBank; Hướng dẫn ĐVCNTT/ĐVCNT về nghĩa vụ tự bảo mật thông tin tài khoản, các yếu tố định danh khác và các phương tiện điện tử dùng trong thanh toán để tránh bị lợi dụng, lừa đảo, gian lận.
- m. Ban hành hướng dẫn nội bộ về nhận diện, xử lý rủi ro; xử lý các Hồ sơ, Giao dịch có dấu hiệu gian lận, giả mạo.
- n. Tuân thủ việc xử lý dữ liệu cá nhân của ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc dữ liệu cá nhân do ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp theo đúng Điều kiện Điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho cá nhân), Điều kiện Điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân (dành cho Tổ chức, Doanh nghiệp) được đăng tải trên website của TPBank và được KH chấp thuận.
- o. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình theo quy định của Pháp luật.
- p. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng và Điều kiện Điều khoản này, quy định từng thời kỳ của TPBank và Pháp luật.

ĐIỀU 5: QUY ĐỊNH VỀ TÀI KHOẢN ĐĂNG NHẬP, MẬT KHẨU ĐĂNG NHẬP ỨNG DỤNG VÀ THIẾT BỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ

1. TPBank sẽ khởi tạo và cung cấp tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập Ứng dụng thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT tới địa chỉ email do ĐVCNTT/ĐVCNT chỉ định tại Hợp đồng sau khi ĐVCNTT/ĐVCNT và TPBank ký kết Hợp Đồng này. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm thay đổi mật khẩu trong lần đăng nhập đầu tiên và chịu trách nhiệm bảo vệ thông tin tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập vào Ứng dụng thanh toán, đồng thời tự chịu trách nhiệm cho mọi rủi ro, thiệt hại phát sinh nếu tài khoản đăng nhập, mật khẩu đăng nhập bị tiết lộ, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép.
2. TPBank là chủ sở hữu đối với thiết bị chấp nhận thẻ và các Ứng dụng thanh toán và có quyền thu hồi cũng như ngừng cung cấp dịch vụ trong trường hợp TPBank đánh giá ĐVCNTT/ĐVCNT hoạt động không hiệu quả. TPBank sẽ thông báo tới ĐVCNTT/ĐVCNT bằng văn bản hoặc email hoặc website TPBank hoặc bất cứ hình thức thông báo nào TPBank cho là phù hợp.
3. ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm trả phí dịch vụ, phí quản lý cho TPBank và đồng ý cho TPBank toàn quyền tự động trích từ TKTT của ĐVCNTT/ĐVCNT để thu phí dịch vụ, phí quản lý cho TPBank.
4. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết sử dụng thiết bị, ứng dụng và dịch vụ Chấp nhận thanh toán của TPBank đúng mục đích theo quy định của TPBank và các quy định pháp luật liên quan.
5. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết bảo quản ở nơi an toàn, giữ gìn cẩn thận các thiết bị chấp nhận thanh toán Thẻ và nhãn hiệu thương mại, các ấn phẩm quảng cáo, nhận diện dịch vụ thanh toán Thẻ và/hoặc qua mã QR VạN Năng do TPBank cung cấp phục vụ cho việc chấp nhận thanh toán Thẻ và/hoặc qua mã QR VạN Năng.

6. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý rằng thiết bị chấp nhận thẻ, ứng dụng thanh toán là tài sản của TPBank và không cho phép bất cứ bên thứ ba nào khác sử dụng khi chưa được sự chấp thuận bằng văn bản của TPBank.
7. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết tự chịu trách nhiệm về việc tự cài đặt, duy trì trong việc truy cập Ứng dụng thanh toán để sử dụng Dịch vụ, thường xuyên cập nhật các chương trình diệt virus, duy trì một tài khoản với một nhà cung cấp dịch vụ mạng để Chủ thẻ có thể truy cập các Dịch vụ.
8. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý rằng TPBank không chịu trách nhiệm về các rủi ro liên quan đến thiết bị chấp nhận thanh toán đã bị bẻ khóa (jailbreak hoặc rooting). TPBank không chịu trách nhiệm về việc mất dữ liệu, phần mềm, hỏng hóc thiết bị di động truy cập, hỏng/đứt/sự cố kết nối mạng di động, các virus, can thiệp phần mềm trái phép, lộ thông tin của Người mua hàng trong quá trình Người mua hàng sử dụng Dịch vụ.

ĐIỀU 6: QUY ĐỊNH VỀ CHẤP NHẬN THANH TOÁN HÀNG HÓA DỊCH VỤ TẠI ĐVCNTT/ĐVCNT

1. Đối với Người mua hàng/Chủ thẻ thực hiện giao dịch lớn, nhiều giao dịch, nhiều thẻ, giao dịch chủ thẻ là người nước ngoài..., ĐVCNTT/ĐVCNT cần kiểm tra thông tin và lưu lại hình ảnh các Giấy tờ tùy thân của Người mua hàng/Chủ thẻ.
2. ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện so khớp chữ ký của Chủ thẻ/Người mua hàng trên hóa đơn chứng từ và chữ ký trên mặt sau của thẻ
3. ĐVCNTT/ĐVCNT ngừng giao dịch khi phát hiện thái độ khả nghi của Chủ thẻ/Người mua hàng như: mang nhiều loại thẻ với thông tin chủ thẻ khác nhau; thẻ liên tục báo lỗi; đặc biệt là lỗi Không được chấp nhận thẻ/Do not honour/ Thẻ bị ngân hàng phát hành thẻ từ chối giao dịch; chủ thẻ lựa chọn nhiều hàng hóa có tính thanh khoản nhanh, giá trị lớn, không quan tâm đến giá ...
4. ĐVCNTT/ĐVCNT không cố tình chia nhỏ giá trị giao dịch, trừ khi Người mua hàng thanh toán một phần giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ bằng hình thức thanh toán không phải thẻ/mã QR (tiền mặt, chuyển khoản ...) trên cơ sở có các chứng từ ghi nhận cụ thể phương thức thanh toán nêu trên, ví dụ: điều khoản thanh toán của hợp đồng, biên lai thu tiền ghi rõ các thông tin về đơn hàng, số tiền chi trả qua các hình thức thanh toán, có chữ ký xác nhận của chủ thẻ.
5. Nếu giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ được thanh toán tiền sau, người mua hàng được yêu cầu trả một khoản ký quỹ và sẽ tất toán khi nhận được hàng hoá hoặc dịch vụ. Với trường hợp này, ĐVCNTT/ĐVCNT đảm bảo Người mua hàng sẽ phải thực hiện giao dịch và ký tên xác nhận giao dịch cho mỗi lần thanh toán và Người mua hàng phải ký trên các chứng từ liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ toàn bộ giá trị giao dịch đã được thực hiện.

ĐIỀU 7: QUY ĐỊNH VỀ PHÍ DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN

1. ĐVCNTT đồng ý trả cho TPBank khoản Phí giao dịch và phí quản lý dịch vụ theo thỏa thuận.
Các loại phí này được tính như sau:
 - a. Phí giao dịch: tính theo phần trăm giá trị toàn bộ các Giao dịch thẻ đã thực hiện thành công qua thiết bị chấp nhận thanh toán/Ứng dụng thanh toán theo mức phí tại Biểu phí TPBank ban hành trong từng thời kỳ (trừ trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT được TPBank quyết định giảm phí so với biểu phí trong từng thời kỳ).
 - b. Phí quản lý thiết bị giao dịch: được tính hàng tháng khi ĐVCNTT/ĐVCNT sử dụng dịch vụ trên số lượng thiết bị tương ứng với mỗi loại dịch vụ mà ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank.
2. Mức Phí giao dịch cho từng loại Thẻ/ mã QR và mức phí Quản lý dịch vụ được quy định trên Hợp Đồng. TPBank có quyền thay đổi các mức phí, loại phí áp dụng vào bất cứ thời điểm nào và thực hiện việc gửi thông báo cho ĐVCNTT/ĐVCNT thông qua gửi tin nhắn đến điện thoại, gửi email đến địa chỉ email của ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank hoặc thông báo trên Website của TPBank.

Việc ĐVCNTT/ĐVCNT tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi nhận được thông báo về mức phí của TPBank được xem là ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý với việc thay đổi về phí này.

ĐIỀU 8: QUY ĐỊNH VỀ HẠCH TOÁN CHO ĐVCNTT/ĐVCNT

1. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết mở tài khoản thanh toán của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank và đăng ký tài khoản thanh toán này cho dịch vụ Chấp nhận thanh toán, đồng thời cam kết sử dụng tài khoản này phù hợp với quy định của pháp luật liên quan đến kế toán, thuế và đảm bảo được tính hợp pháp, hợp lệ của giao dịch thẻ đối với hoạt động của ĐVCNTT/ĐVCNT.
2. Toàn bộ dữ liệu Giao dịch của ĐVCNTT/ĐVCNT được truyền về TPBank ngay trong ngày giao dịch thông qua hệ thống kết nối với Ứng dụng thanh toán. Trước mỗi kỳ thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT, TPBank sẽ thực hiện đối soát dữ liệu trên hệ thống TPBank và dữ liệu thanh toán thực tế từ các hệ thống xử lý thanh toán.
3. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết chỉ định tài khoản của ĐVCNTT/ĐVCNT được ghi nhận tại Hợp Đồng để TPBank thực hiện thanh toán giao dịch vào tài khoản chỉ định của ĐVCNTT/ĐVCNT giá trị của các hóa đơn thanh toán hợp lệ sau khi trừ đi khoản Phí giao dịch và phí quản lý thiết bị giao dịch như quy định tại Hợp đồng và khoản thuế giá trị gia tăng, thuế, phí khác có liên quan.
4. Giá trị thanh toán căn cứ vào phần kết quả dữ liệu ghi nhận trên các hệ thống của TPBank. Giao dịch phải được ĐVCNTT/ĐVCNT thực hiện lệnh quyết toán thành công tại thiết bị/Ứng dụng thanh toán và truyền thông tin về hệ thống của TPBank với trạng thái Đã quyết toán.

Có 2 cách thức ghi nhận giá trị thanh toán:

- Ghi Có nguyên giá trị giao dịch và ghi Nợ phần phí thu giao dịch của ĐVCNTT/ĐVCNT.
- Ghi Có giá trị còn lại giao dịch sau khi lấy nguyên giá trị giao dịch trừ đi phần phí giao dịch của ĐVCNTT/ĐVCNT.
- Cách thức khác theo quy định thanh toán của TPBank theo từng thời kỳ.

Dữ liệu ghi nhận tại hệ thống của TPBank là gốc và việc thanh toán dựa trên dữ liệu của TPBank.

5. TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp bộ chứng từ cho các giao dịch có giá trị từ 50 triệu đồng (hoặc tương đương) trở lên, các giao dịch chia tách giá trị, các giao dịch được TPBank xác định có tiềm ẩn rủi ro trước khi thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc các giao dịch theo yêu cầu của TCTQT.
 - a. Bộ chứng từ bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng, hoặc hóa đơn giao hàng hoặc hóa đơn bán lẻ (loại hóa đơn sẽ được quy định trong từng trường hợp cụ thể); trong đó:
 - Hóa đơn/chứng từ phải ghi rõ tên ĐVCNTT, địa chỉ ĐVCNTT, trùng khớp với tên, địa chỉ đã đăng ký với TPBank; hóa đơn/chứng từ đủ chữ ký của người mua/người bán; ghi rõ nội dung hàng hóa/dịch vụ mua bán; số tiền thanh toán trên hóa đơn phải khớp hoặc lớn hơn số tiền giao dịch thanh toán qua dịch vụ chấp nhận thanh toán; thời gian thanh toán trên hóa đơn/chứng từ phải khớp với thời gian giao dịch thanh toán qua dịch vụ chấp nhận thanh toán.
 - ĐVCNTT/ĐVCNT chịu hoàn toàn trách nhiệm với tính chính xác của hóa đơn/chứng từ cung cấp cho TPBank; TPBank có quyền từ chối thanh toán cho ĐVCNTT trong trường hợp TPBank xác định ĐVCNTT cung cấp hóa đơn/chứng từ không chính xác. Trong trường hợp ĐVCNTT không cung cấp được đầy đủ bộ chứng từ theo yêu cầu, TPBank có quyền giữ lại khoản thanh toán của ĐVCNTT/ĐVCNT trong thời gian tối thiểu 540 ngày làm việc.
 - b. ĐVCNTT/ĐVCNT cần lưu thêm một hoặc nhiều giấy tờ có giá trị xác nhận nhân thân người thực hiện thanh toán. Trong đó giấy tờ có giá trị xác nhận nhân thân ("Giấy tờ tùy thân"/"GTTH") người thực hiện thanh toán là:
 - Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước, căn cước điện tử¹ (đối với trường hợp chủ thẻ/người mua hàng có tài khoản định danh điện tử mức độ 02).

¹ Việc xử lý, lưu trữ căn cước điện tử, danh tính điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và quy định pháp luật liên quan.

- Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam bao gồm hộ chiếu và thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị thay thị thực hoặc giấy tờ chứng minh được miễn thị thực nhập cảnh
 - Danh tính điện tử (thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 02) (nếu có).
- 6.** Trong trường hợp TPBank yêu cầu xuất trình hóa đơn thanh toán/bán hàng/hóa đơn bán lẻ,..., nếu ĐVCNTT/ĐVCNT không cung cấp hóa đơn thanh toán tới TPBank trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của TPBank, ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết để TPBank thực hiện quyền truy đòi đầy đủ số tiền đã thanh toán cho ĐVCNTT/ĐVCNT liên quan đến giao dịch và các chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch, trừ trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT và TPBank có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- 7.** Trong trường hợp có yêu cầu của TPBank về việc cung cấp hóa đơn, chứng từ để xử lý tra soát, khiếu nại của chủ thẻ ngân hàng khác cũng như chủ thẻ do TPBank phát hành về các giao dịch đã thực hiện qua thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ/mã QR tại ĐVCNTT/ĐVCNT, ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm cung cấp các hóa đơn/chứng từ thể hiện hoạt động kinh doanh/mua bán hàng hóa dịch vụ do ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp cho chủ thẻ như hóa đơn giao hàng/hóa đơn bán lẻ/hóa đơn giá trị gia tăng (nếu có) ... trong phạm vi 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của TPBank
- a. Trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp hóa đơn/chứng từ bổ sung, ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm gửi cho TPBank trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của TPBank.
 - b. Trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT không cung cấp được các hóa đơn/chứng từ, chứng cứ liên quan chứng minh giao dịch được thực hiện là có thực, hợp lệ, hợp pháp; hoặc việc cung cấp hóa đơn/chứng từ, chứng cứ của ĐVCNTT chậm so với thời hạn quy định nói trên, TPBank sẽ tự động ghi nợ tài khoản của ĐVCNTT số tiền giao dịch bị khiếu nại/đào chi giao dịch và các khoản chi phí phát sinh khác (nếu có).
 - c. Trong mọi trường hợp, sau khi tra soát, nếu có bất kỳ khoản tiền nào bị ghi có/ghi nợ nhằm dẫn đến gây thiệt hại cho TPBank bao gồm nhưng không giới hạn do lỗi của ĐVCNTT/ĐVCNT hoặc nhân viên thu ngân hoặc đại diện kinh doanh của ĐVCNTT/ĐVCNT thì ĐVCNTT/ĐVCNT phải chịu trách nhiệm bồi hoàn khoản tiền đó cho TPBank. Theo đó, TPBank được toàn quyền ghi nợ TKTT hoặc các Tài khoản khác (nếu có) của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank để thu hồi số tiền này sau khi thông báo.
- 8.** Trong trường hợp phát sinh tra soát, khiếu nại hoặc yêu cầu hoàn tiền (chargeback) từ các TCPHT và TCTQT liên quan đến các giao dịch thẻ tại ĐVCNTT/ĐVCNT:
- a. TPBank được miễn trừ hoàn toàn khỏi mọi trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí hoặc nghĩa vụ phát sinh dưới bất kỳ hình thức nào liên quan đến việc ĐVCNTT/ĐVCNT không cung cấp, cung cấp hàng hóa, dịch vụ không đúng, không như mô tả, không đúng thời hạn hoặc không thực hiện đúng việc hoàn hủy hàng hóa, dịch vụ như cam kết với Chủ thẻ/Người mua hàng
 - b. Trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT không lưu trữ chứng từ, chứng từ không đầy đủ thông tin quy định tại Điểm n Khoản 2 Điều 3, TPBank được miễn trừ hoàn toàn khỏi mọi trách nhiệm, tổn thất, thiệt hại, chi phí hoặc nghĩa vụ phát sinh dưới bất kỳ hình thức nào
 - c. ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm xử lý và hoàn trả cho TPBank toàn bộ số tiền bị truy thu (nếu có) khi phát sinh tra soát khiếu nại từ các TCPHT và/hoặc TCTQT theo thông báo của TPBank, bao gồm cả phí xử lý phát sinh và các tổn thất mà TPBank phải gánh chịu (nếu có) , kể cả trong trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT ngừng hoạt động, mất khả năng thanh toán hoặc phá sản.
 - d. Trường hợp tài khoản thanh toán của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank không còn đủ số dư để thực hiện nghĩa vụ hoàn trả, ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết sẽ tự nguyện thanh toán phần còn thiếu từ nguồn tài chính hợp pháp khác, kể cả từ tài sản cá nhân.
 - e. Trong trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nêu trên theo đúng thông báo của TPBank, TPBank có quyền yêu cầu và ĐVCNTT/ĐVCNT có nghĩa vụ (i) thanh

toán tiền lãi chậm trả phát sinh đối với số tiền hoàn trả chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo thời hạn hoàn trả tiền mà TPBank đã thông báo, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 20%/năm; và (ii) thanh toán tiền phạt vi phạm tương ứng với 8% giá trị số tiền hoàn trả chưa thanh toán đúng hạn. Để thu hồi số tiền hoàn trả, khoản tiền lãi chậm trả và tiền phạt vi phạm nêu trên, TPBank có quyền:

- Tự động trích tiền trên tài khoản thanh toán (bao gồm cả giải tỏa và trích Số tiền phong tỏa theo Hợp Đồng (nếu có)) hoặc tài khoản ký quỹ (nếu có) của ĐVCNTT/ĐVCNT tại TPBank;
 - Thực hiện các biện pháp thu hồi nợ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc khởi kiện, yêu cầu thi hành án, áp dụng các biện pháp cưỡng chế tài sản của ĐVCNTT/ĐVCNT theo quy định pháp luật;
 - Truy đòi phần còn thiếu từ các nguồn tài chính hợp pháp khác của ĐVCNTT/ĐVCNT, kể cả từ tài sản cá nhân.
- f. Quy định này không nhằm hạn chế hoạt động kinh doanh hợp pháp của ĐVCNTT/ĐVCNT mà nhằm đảm bảo giao dịch được thực hiện minh bạch, đúng cam kết, đồng thời bảo vệ uy tín, tài chính và quyền lợi của cả TPBank và ĐVCNTT/ĐVCNT trong dài hạn.

ĐIỀU 9: BẢO MẬT THÔNG TIN

1. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý rằng tất cả các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn thông tin trên Thẻ/mã QR, trên Ứng dụng thanh toán, thông tin của Hợp Đồng, Điều kiện Điều khoản này, các thông tin liên quan đến Chủ thẻ, giao dịch thẻ tại ĐVCNTT/ĐVCNT, các tài liệu, thông tin liên quan đến Dịch vụ chấp nhận thanh toán của TPBank... ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết bảo mật các thông tin này trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và cả khi Hợp Đồng chấm dứt với sự nghiêm túc cao nhất. ĐVCNTT/ĐVCNT không sử dụng thông tin cho lợi ích riêng của mình và để lộ thông tin cho bên thứ ba nào khác trừ khi có sự đồng ý của TPBank và/hoặc theo yêu cầu của Pháp luật.
2. ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản và mật khẩu truy cập các ứng dụng thanh toán của TPBank sau khi tiếp nhận từ TPBank. ĐVCNTT/ĐVCNT tự chịu hoàn toàn trách nhiệm cho những thiệt hại phát sinh do để lộ thông tin tài khoản và mật khẩu này.
3. ĐVCNTT/ĐVCNT không bán, mua, cung cấp hoặc trao đổi thông tin về hoạt động thanh toán của Người mua hàng, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về số thẻ và các thông tin khác trên thẻ cho bất kỳ bên thứ ba trừ khi có sự đồng ý của Người mua hàng/Chủ thẻ, của TPBank và/hoặc theo yêu cầu của Pháp luật.
4. ĐVCNTT/ĐVCNT đảm bảo tất cả các bản sao hóa đơn thanh toán phát sinh tại ĐVCNTT/ĐVCNT phải được lưu giữ an toàn nhằm tránh các đối tượng khác sử dụng những thông tin này để thực hiện những hành vi giả mạo hoặc vi phạm pháp luật.
5. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý để TPBank cung cấp thông tin cho bên thứ 3 nhằm phục vụ việc nhận biết ĐVCNTT/ĐVCNT.
6. ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý cho phép TPBank cung cấp tên và địa chỉ, hình ảnh của các địa điểm kinh doanh khác nhau của ĐVCNTT/ĐVCNT trên các tờ hướng dẫn giới thiệu và những tài liệu khác của TPBank có liên quan tới dịch vụ.
7. Khi TPBank xét thấy hợp lý và/hoặc cần sự đề phòng trước các hành động giả mạo, ĐVCNTT/ĐVCNT cam kết đồng ý để TPBank tiết lộ cho các bên liên quan khác thông tin về ĐVCNTT/ĐVCNT mà không yêu cầu bất cứ sự bồi thường hoặc đền bù thiệt hại nào từ phía TPBank do việc tiết lộ thông tin nói trên.
8. ĐVCNTT/ĐVCNT tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin do TPBank cung cấp cho ĐVCNTT/ĐVCNT theo quy định tại Hợp Đồng này và tự chịu trách nhiệm với các tổn thất xảy ra do việc để lộ, mất cắp thông tin dữ liệu Thẻ, thông tin giao dịch phát sinh tại ĐVCNTT/ĐVCNT, chịu trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho TPBank nếu ĐVCNTT/ĐVCNT vi phạm Hợp đồng, Điều kiện Điều khoản này.

PHẦN II – ĐIỀU KHOẢN/QUY ĐỊNH CỤ THỂ ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ TPBank mPOS/SoftPOS

ĐIỀU 10. QUY ĐỊNH VỀ THIẾT BỊ CHẤP NHẬN THANH TOÁN THẺ

1. Đối với dịch vụ TPBank mPOS, ĐVCNT cam kết đạt mức doanh số giao dịch tối thiểu (Doanh số giao dịch cam kết) quy định tại Hợp đồng.
2. TPBank có quyền thay đổi mức doanh số giao dịch tối thiểu nêu trên vào bất cứ thời điểm nào và trước khi doanh số giao dịch tối thiểu mới được áp dụng sẽ gửi thông báo tới ĐVCNT bằng văn bản hoặc email hoặc website TPBank hoặc bất cứ hình thức thông báo nào TPBank cho là phù hợp. Sau khi nhận được thông báo từ TPBank, nếu ĐVCNT tiếp tục sử dụng Dịch vụ thì được hiểu rằng đồng ý với thay đổi mức doanh số này.
3. TPBank là chủ sở hữu đối với thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ và sẽ thực hiện bàn giao thiết bị cho ĐVCNT sử dụng theo quy định. Trường hợp ĐVCNT chỉ định người nhận thiết bị không phải cá nhân; chủ HKD/DN đăng ký sử dụng dịch vụ, ĐVCNT chịu hoàn toàn trách nhiệm trước TPBank và Pháp luật nếu có rủi ro phát sinh. ĐVCNT phải bàn giao lại thiết bị cho TPBank theo đúng tình trạng bàn giao ban đầu ngay khi Hợp Đồng này hết hiệu lực hoặc khi TPBank ngừng cung cấp dịch vụ hoặc khi ĐVCNT ngừng sử dụng dịch vụ.
4. Điều kiện duy trì thiết bị hoạt động tại ĐVCNT:
 - a. ĐVCNT cam kết sử dụng thiết bị đúng mục đích theo quy định TPBank và các văn bản pháp luật liên quan nhằm đạt doanh số giao dịch tối thiểu trên các thiết bị hàng tháng.
 - b. TPBank có quyền thu hồi thiết bị trong trường hợp thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ hoạt động không hiệu quả theo đánh giá của TPBank từng thời kỳ. Trong trường hợp này, TPBank sẽ thông báo cho ĐVCNT trước tối thiểu 02 ngày làm việc bằng hình thức thông báo mà TPBank cho là phù hợp.

ĐIỀU 11. QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN THẺ

Khi Người mua hàng sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hoá và dịch vụ, ĐVCNT thực hiện các bước chấp nhận thanh toán thẻ theo đúng các quy định do TPBank cung cấp, trong đó phải kiểm tra:

1. Thẻ phải còn nguyên vẹn, không chấp vá, không có dấu hiệu của sự cạo sửa.
2. Mặt trước hoặc mặt sau của Thẻ Visa, MasterCard, JCB, UPI phải có chữ ký của Chủ thẻ. Phần chữ ký không được hỏng, rách, trầy xước hoặc có dấu hiệu sửa chữa, biến dạng ở bất kỳ đường nét nào.
3. Thời hạn hiệu lực in trên Thẻ để đảm bảo là Thẻ còn giá trị thanh toán.
4. Số, chữ in trên Thẻ phải được in đậm rõ ràng, không có bất kỳ dấu hiệu sửa chữa nào.
5. Các biểu tượng của tổ chức phát hành thẻ, tổ chức chuyển mạch thẻ, TCTQT.
6. Các quy định khác trong tài liệu dành cho ĐVCNT do TPBank cung cấp hoặc các thông báo cụ thể của TPBank.
7. Giao dịch chỉ được ghi nhận thành công khi hệ thống TPBank ghi nhận giao dịch là thành công và trạng thái giao dịch thể hiện trên thiết bị/ứng dụng thanh toán là Thành công. ĐVCNT chỉ giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ nếu giao dịch thẻ được ghi nhận thành công. Trong mọi trường hợp khác, ĐVCNT phải liên hệ với Trung tâm Dịch vụ khách hàng của TPBank để nhận hướng dẫn xử lý.
8. Các hạn mức bao gồm: Hạn mức giao dịch, Hạn mức giao dịch của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNT được TPBank quy định và thay đổi theo chính sách của TPBank theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 12. QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT CỌC, PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN THIẾT BỊ THANH TOÁN THẺ

1. Đặt cọc thiết bị (*Áp dụng với thiết bị TPBank mPOS*)

- a. ĐVCNT đồng ý rằng TPBank được toàn quyền tự động trích/phong tỏa tiền trên tài khoản thanh toán của ĐVCNT để đảm bảo khoản đặt cọc cho thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ mPOS. Trường hợp tài khoản của ĐVCNT không có đủ số dư, ĐVCNT có trách nhiệm thanh toán tiền đặt cọc hoặc nộp tiền vào TKTT của ĐVCNT tại TPBank trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản từ TPBank để đảm bảo cho khoản đặt cọc thiết bị này.
- b. Toàn bộ số tiền đặt cọc thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ của ĐVCNT sẽ được TPBank hoàn trả cho ĐVCNT vào tài khoản thanh toán của ĐVCNT vào ngày 5 và ngày 23 hàng tháng sau khi ĐVCNT hoàn trả cho TPBank đầy đủ, đúng tình trạng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ TPBank mPOS đã được TPBank bàn giao. Trường hợp các ngày nêu trên rơi vào ngày nghỉ, lễ tết thì việc hoàn trả tiền đặt cọc sẽ được TPBank thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

2. Bồi thường tái thiết lập thiết bị chấp nhận thẻ (*Áp dụng với thiết bị TPBank mPOS*)

- a. ĐVCNT cam kết bảo đảm an toàn về các thiết bị mà TPBank đã lắp đặt cho ĐVCNT từ ngày lắp đặt đến ngày bàn giao lại cho TPBank (việc bàn giao thực hiện bằng văn bản). Trường hợp mất mát, hư hỏng thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ do lỗi của ĐVCNT theo đánh giá của TPBank dẫn đến nhu cầu sửa chữa, thay mới hoặc khi TPBank yêu cầu hoàn trả thiết bị, ĐVCNT không hoàn trả lại được thiết bị thì ĐVCNT phải trả khoản bồi thường tái thiết thiết bị chấp nhận thẻ theo quy định của TPBank.
- b. ĐVCNT sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và phải trả khoản bồi thường tái thiết thiết bị chấp nhận thẻ cho TPBank nếu có bất kỳ mất mát hay hư hỏng không thuộc về lỗi kỹ thuật bao gồm không giới hạn các nguyên nhân như:
 - Thiết bị do va chạm, rơi, hoặc có tác động ngoại lực gây hư hại, biến dạng, móp méo, vỡ, rạn nứt, ...
 - Không bảo quản thiết bị tại nơi khô ráo, đúng quy cách, gây ẩm thiết bị, thấm nước, mối mọt hoặc côn trùng tấn công...
 - Bị hỏng do lắp đặt sử dụng điện áp, các thiết bị kết nối không phù hợp không tương thích... với thiết bị;
 - Hư hỏng do thiên tai, tai nạn hoặc lắp đặt, sử dụng không đúng theo hướng dẫn của TPBank.
 - Bị hỏng do môi trường sử dụng thiết bị không đảm bảo (nhiệt độ, độ ẩm cao, bụi bặm, rung, hư hỏng do côn trùng hay các loại động vật khác gây ra).
 - Bị hỏng do sử dụng các loại thẻ không phù hợp.
 - Lỗi hư hỏng phát sinh từ việc tự ý sửa chữa, kiểm tra, điều chỉnh, tháo rời, lắp ráp hoặc sửa đổi thiết bị TPBank mPOS trong bất kỳ hình thức nào mà không được sự cho phép bằng văn bản của TPBank.
 - Bị mất thiết bị (Đơn vị không giao nộp được thiết bị khi có yêu cầu của TPBank trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu).
- c. Khi Hợp Đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì, ĐVCNT cam kết hoàn trả thiết bị cho TPBank trong tình trạng hoạt động tốt, thiết bị TPBank mPOS còn tem niêm phong, nhận dạng của nhà cung ứng thiết bị.

Nếu thiết bị TPBank mPOS bị hỏng hóc, bị mất mát hoặc do sự bất cẩn của ĐVCNT như đã nêu tại điểm (b) Khoản 2 Điều này, ĐVCNT phải bồi thường thiệt hại cho TPBank. Giá trị bồi thường được căn cứ theo giá trị còn lại của thiết bị sau khi trừ đi phần giá trị khấu hao thiết bị trong thời gian sử dụng theo biểu phí TPBank đã ban hành trong từng thời kỳ. Thời gian thực hiện bồi thường là bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày TPBank gửi thông báo đến ĐVCNT về việc yêu cầu ĐVCNT bồi thường. TPBank được tự động trích nợ từ tài khoản mà ĐVCNT đã đăng ký với TPBank tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán mà ĐVCNT đã ký với TPBank và/hoặc các tài khoản khác của ĐVCNT mở tại TPBank để thu số tiền bồi thường này.
- d. ĐVCNT cam kết thường xuyên trưng bày các ấn phẩm quảng cáo, nhận diện chấp nhận thanh toán thẻ cho đến khi có thông báo chấm dứt của TPBank hoặc khi Hợp đồng hết hiệu lực và

không sử dụng các ấn phẩm quảng cáo, nhận diện chấp nhận thanh toán thẻ cho những mục đích khác với nội dung quy định tại Hợp đồng này khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của TPBank.

3. ĐVCNT có trách nhiệm Quản lý, bảo vệ và sử dụng đúng mục đích thiết bị TPBank mPOS và các vật liệu đi kèm theo như Simcard, PIN, dây nguồn ... và phải giữ nguyên niêm phong, tem nhận dạng của nhà cung ứng thiết bị và/hoặc của TPBank. Đồng thời, ĐVCNT cam kết chịu trách nhiệm thanh toán chi phí sửa chữa thiết bị toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho TPBank theo theo biểu phí TPBank đã ban hành trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 13. THỜI HẠN THANH TOÁN CHO ĐVCNT

1. TPBank sẽ thanh toán cho ĐVCNT theo thời hạn như sau:
 - a. Cuối mỗi ngày trước 15h, ĐVCNT thực hiện lệnh quyết toán giao dịch. Đối với thẻ nội địa, sau khi ĐVCNT thực hiện thành công lệnh quyết toán giao dịch trên hệ thống TPBank, TPBank sẽ thực hiện thanh toán cho ĐVCNT. Các giao dịch thực hiện sau thời điểm thực hiện lệnh quyết toán sẽ được tính là giao dịch vào ngày hôm sau.
 - b. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ nội địa do TPBank phát hành: hệ thống TPBank thực hiện thanh toán các giao dịch hợp lệ ngay sau khi giao dịch được thực hiện.
 - c. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ nội địa do các TCPHT khác phát hành: Hệ thống TPBank thực hiện thanh toán các giao dịch hợp lệ cùng ngày giao dịch được quyết toán trước 15h.
 - d. Với các giao dịch thực hiện từ thẻ quốc tế: hệ thống TPBank thực hiện thanh toán cho các giao dịch hợp lệ vào ngày làm việc kế tiếp ngày giao dịch được quyết toán.
 - e. Các giao dịch bất thường, có dấu hiệu rủi ro hoặc nghi ngờ có hành vi gian lận, giả mạo, TPBank có quyền yêu cầu ĐVCNT cung cấp hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch, TPBank thực hiện thanh toán cho ĐVCNT trong vòng 2 ngày làm việc từ khi ĐVCNT cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc TPBank xác định không còn các dấu hiệu rủi ro/nghi ngờ gian lận/giả mạo.
2. Trường hợp ngày thanh toán trùng vào ngày nghỉ/lễ, TPBank sẽ thanh toán cho ĐVCNT vào ngày làm việc tiếp theo.
3. ĐVCNT có trách nhiệm thực hiện Lệnh quyết toán giao dịch thanh toán thẻ tại thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ của TPBank hàng ngày. Kiểm tra, rà soát và thực hiện tổng kết giao dịch gửi về TPBank không được quá 05 ngày kể từ ngày giao dịch. Các giao dịch quyết toán sau 5 ngày, TPBank cần giữ lại các giao dịch này 120 ngày theo quy định của các Tổ chức thẻ Quốc tế.
4. TPBank có quyền từ chối tạm ứng/thanh toán cho ĐVCNT đối với những giao dịch quá thời hạn nêu trên.

PHẦN 3 – ĐIỀU KIỆN/ QUY ĐỊNH CỤ THỂ ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ CHẤP NHẬN THANH TOÁN QUA MÃ QR VẠN NĂNG

ĐIỀU 14. QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUA MÃ QR

Người sử dụng thực hiện các bước thanh toán giao dịch trên Ứng dụng thanh toán tuân theo đúng hướng dẫn và quy định của TPBank, đặc biệt lưu ý:

1. Giao dịch chỉ được ghi nhận thành công khi hệ thống TPBank ghi nhận giao dịch là thành công và trạng thái giao dịch thể hiện trên ứng dụng thanh toán là Thành công. ĐVCNT chỉ giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ nếu giao dịch thẻ được ghi nhận thành công. Trong mọi trường hợp khác, ĐVCNT phải liên hệ với Trung tâm Dịch vụ khách hàng của TPBank để nhận hướng dẫn xử lý.
2. Các hạn mức bao gồm: Hạn mức giao dịch, Hạn mức giao dịch của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo lần của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo ngày của ĐVCNT, Hạn mức giao dịch theo tháng của ĐVCNT được TPBank quy định và thay đổi theo chính sách của TPBank theo từng thời kỳ.

ĐIỀU 15. THỜI ĐIỂM HẠCH TOÁN CHO ĐVCNT

Thời điểm hạch toán cho ĐVCNTT là thời điểm giao dịch được xác định thành công trên hệ thống TPBank.

PHẦN 4 – QUY ĐỊNH VỀ PHÁP LÝ VÀ THỰC THI HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 16: SỬA ĐỔI NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU KIỆN ĐIỀU KHOẢN

1. TPBank được quyền sửa đổi/bổ sung/thay thế nội dung ĐKĐK này và quy định của TPBank về dịch vụ chấp nhận thanh toán vào bất kỳ thời điểm nào TPBank cho là phù hợp. TPBank sẽ thông báo đến ĐVCNTT/ĐVCNT bằng một trong các phương thức TPBank lựa chọn, bao gồm nhưng không giới hạn gửi tin nhắn đến số điện thoại, gửi email đến địa chỉ email của ĐVCNTT/ĐVCNT đã đăng ký với TPBank, niêm yết tại trụ sở giao dịch hoặc thông báo trên website của TPBank.
2. Trong trường hợp nếu ĐVCNTT/ĐVCNT không đồng ý với các nội dung sửa đổi/bổ sung/thay thế ĐKĐK này, ĐVCNT có quyền yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ sau 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo bằng văn bản tới TPBank. Trường hợp ĐVCNTT/ĐVCNT tiếp tục sử dụng dịch vụ sau thời điểm những sửa đổi/bổ sung/thay thế nội dung Hợp đồng này có hiệu lực, được hiểu là ĐVCNTT/ĐVCNT đồng ý và chịu sự ràng buộc đối với các sửa đổi/bổ sung/thay thế này của ĐKĐK này.

ĐIỀU 17: ĐIỀU KHOẢN BỒI THƯỜNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. ĐVCNTT/ĐVCNT phải thực hiện bồi thường cho TPBank theo quy định nếu không tuân thủ đúng quy định tại Hợp Đồng này và tại các văn bản, thông báo bổ sung đã được TPBank gửi cho ĐVCNTT/ĐVCNT.
2. Nếu phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện, Các bên sẽ cùng nhau trực tiếp thương lượng giải quyết. Nếu không tự thỏa thuận được thì Các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Bên. Án phí và các chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 18: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. ĐKĐK này là phần không thể tách rời của Hợp đồng cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày TPBank hoàn tất thủ tục chấp thuận cung cấp dịch vụ chấp nhận thanh toán mPOS/SoftPOS, QR Vạn Năng (theo loại dịch vụ ĐVCNTT/ĐVCNT đăng ký tại Hợp Đồng) thông qua việc gửi thông báo đã cài đặt thành công dịch vụ trên ứng dụng thanh toán và/hoặc gửi email/tin nhắn theo thông tin KH đã đăng ký trên Hợp Đồng cho đến khi Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Hợp Đồng chấm dứt theo một trong các trường hợp sau:
 - a. Được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 4 Phần I của Điều kiện Điều khoản này.
 - b. ĐVCNTT/ĐVCNT yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ và yêu cầu chấm dứt dịch vụ của ĐVCNTT/ĐVCNT được TPBank chấp thuận, hoàn tất thủ tục chấm dứt dịch vụ. ĐVCNTT/ĐVCNT chịu trách nhiệm thanh toán mọi giao dịch, chi phí phát sinh, thiệt hại (nếu có) liên quan đến Dịch vụ, chịu trách nhiệm xử lý các yêu cầu yêu cầu tra soát, khiếu nại có liên quan đến chất lượng hàng hóa, dịch vụ do ĐVCNTT/ĐVCNT cung cấp trước khi văn bản thông báo chấm dứt dịch vụ của ĐVCNTT/ĐVCNT được TPBank hoàn tất xử lý.
 - c. Sau 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản/email được TPBank gửi cho ĐVCNTT/ĐVCNT.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp đồng, Điều kiện Điều khoản này và theo pháp luật.
3. Việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn hoặc vì bất kỳ lý do nào và/hoặc việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của ĐVCNTT/ĐVCNT sẽ không có nghĩa là chấm dứt các nghĩa vụ mà ĐVCNTT/ĐVCNT chưa hoàn thành theo quy định của Hợp Đồng này. ĐVCNTT/ĐVCNT có trách nhiệm:
 - a. Thực hiện thanh toán tất cả các khoản nợ với TPBank theo quy định tại Hợp Đồng;

- b.** Giải quyết các tranh chấp khiếu nại phát sinh liên quan đến các giao dịch được thực hiện tại ĐVCNTT/ĐVCNT.
- 4.** Bằng việc ký Hợp Đồng, ĐVCNTT/ĐVCNT xác nhận là đã đọc, hiểu rõ và cam kết thực hiện đúng Điều kiện Điều khoản này.